

CÔNG TY CỔ PHẦN WINUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN WINUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WINUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WINUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108297451

3. Ngày thành lập: 29/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà D03 khu đô thị mới Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi gia cầm	0146
2.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
5.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
6.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
7.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
11.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
12.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ hoạt động đầu giá)	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4659

22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
24.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
28.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
29.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
34.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
36.	Trồng cây thuốc lá, thuốc láo	0115
37.	Trồng cây lấy sợi	0116
38.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
39.	Trồng cây điều	0123
40.	Trồng cây hồ tiêu	0124
41.	Trồng cây lâu năm khác	0129
42.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
43.	Chăn nuôi lợn	0145
44.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
45.	Trồng cây cao su	0125
46.	Trồng cây cà phê	0126
47.	Trồng cây chè	0127
48.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
49.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
50.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
51.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
52.	Khai thác gỗ	0221
53.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
54.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

55.	Khai thác thủy sản biển	0311
56.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
58.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
60.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
62.	Bán buôn gạo	4631
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
66.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
67.	Trồng cây mía	0114
68.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
69.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
70.	Chăn nuôi khác	0149
71.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
72.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
73.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
74.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
75.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
76.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
78.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
81.	Trồng lúa	0111
82.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
83.	Trồng cây hàng năm khác	0119
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

85.	Trồng cây ăn quả	0121
86.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
87.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
88.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
89.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
90.	Sản xuất giống thủy sản	0323
91.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
92.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
93.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
94.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
95.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
96.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
97.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
99.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán buôn thực phẩm	4632
102.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

6. Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH MINH TRANG	TT Viện Thổ nhưỡng Nông hoá, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	363.000	3.630.000.000	33,000	026189000009	
			Tổng số	363.000	3.630.000.000	33,000		
2	NGUYỄN VĂN LỘC	Thôn Tó, Xã Phương Hưng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	363.000	3.630.000.000	33,000	030088000611	
			Tổng số	363.000	3.630.000.000	33,000		
3	NGUYỄN THẾ ĐỨC	Đội 4, Thôn Tê Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	374.000	3.740.000.000	34,000	B7377051	
			Tổng số	374.000	3.740.000.000	34,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ ĐỨC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *13/06/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: *B7377051*

Ngày cấp: *22/01/2013*

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 4, Thôn Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 105B, Tổ 1B, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*